

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		54,566,897	0	55,335,137		101.4
I	Các khoản thu 100%		176,000	0	252,541		143.5
1	Phí lệ phí		11,000		12,741		115.8
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác		125,000		140,000		112.0
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		40,000		99,800		249.5
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		39,094,740	0	39,786,340		101.8
1	các khoản thu phân chia		113,000	0	709,519		627.9
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14,000		14,764		105.5
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		9,000		8,800		97.8
	Lệ phí trước bạ nhà đất		90,000		685,955		762.2
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định		38,981,740	0	39,076,821		100.2
	Thuê thu nhập cá nhân từ các hộ kinh doanh		24,800		21,331		86.0
	Thuế giá trị gia tăng từ các hộ kinh doanh		49,600		41,124		82.9
	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất		38,907,340		38,907,340		100.0
	Thu điều tiết xã khoản thuế khác				107,026		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		9,219		9,219		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		214,000		214,099		
VI	Nguồn cải cách tiền lương dùng để cân đối chi tăng lương						

VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		15,072,938	0	15,072,938		100.0
	Thu bổ sung cân đối		4,409,762		4,409,762		100.0
	Thu bổ sung có mục tiêu		10,663,176		10,663,176		